

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN S
TỈNH TUYÊN QUANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **102/2019/HS-ST**
Ngày 08 tháng 10 năm 2019

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN S, TỈNH TUYÊN QUANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Bàn Văn Thế.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Danh Long – Giáo viên.

Ông Hoàng Văn Hùng – Cán bộ nghỉ hưu.

- Thư ký phiên tòa: Bà Bùi Trần Thị Minh Hà - Thư ký Tòa án nhân dân huyện S, tỉnh Tuyên Quang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện S tham gia phiên tòa: Ông Phạm Tất Lợi - Kiểm sát viên.

Ngày 08 tháng 10 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện S, tỉnh Tuyên Quang xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 91/2019/TLST-HS ngày 19/8/2019, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 91/2019/QĐXXST-HS ngày 04/9/2019; quyết định hoãn phiên tòa số 33/2019/HSST-QĐ ngày 16/9/2019; số 38/2019/HSST-QĐ ngày 26/9/2019 đối với các bị cáo:

1. Họ và tên: **Trương Văn Q**, sinh ngày 02/4/2000, tại S, Tuyên Quang. Nơi ĐKKHKT: Thôn N, xã N1, huyện S, tỉnh Tuyên Quang; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ học vấn: 07/12; Dân tộc: Sán Dìu; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Trương Văn H, sinh năm 1978 và bà Đỗ Thị M, sinh năm 1978; Vợ, con: Chưa có; Tiền án, tiền sự: Không;

Bị cáo hiện đang bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú. Có mặt.

2. Họ và tên: **Đoàn Đình L**, sinh ngày 15/9/2001, tại S, Tuyên Quang. Nơi ĐKKHKT: Thôn B, xã T, huyện S, tỉnh Tuyên Quang; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ học vấn: 08/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Đoàn Văn H, sinh năm 1981 và bà Nguyễn Thị L, sinh năm 1982; Vợ, con: Chưa có; Tiền án, tiền sự: Không.

Nhân thân: Tại Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 170/QĐ-XPHC ngày 21/5/2019 của Công an huyện S, xử phạt Đoàn Đình L số tiền 750.000 đồng về hành vi trộm cắp tài sản. Đã chấp hành xong.

Bị cáo hiện đang bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú. Có mặt.

Người đại diện của bị cáo Đoàn Đình L: Bà Nguyễn Thị L, sinh năm 1982. Trú tại: Thôn B, xã T, huyện S, tỉnh Tuyên Quang (Mẹ bị cáo L). Có mặt.

- **Bị hại:** Anh Mạc Văn Th, sinh năm 1999. Địa chỉ: Thôn H, xã N1, huyện S, tỉnh Tuyên Quang. Có mặt.

- **Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:** Nguyễn Văn Th, sinh năm 1991. Địa chỉ: Thôn B, xã S1, huyện S, tỉnh Tuyên Quang. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Tối ngày 26/4/2019, Lý Văn T1, sinh năm 1998; Mạc Văn Th, sinh năm 1999 cùng trú tại thôn H, xã N1, huyện S và Thăng Văn T, sinh năm 2000, trú tại thôn T, xã N1, huyện S cùng nhau đi chơi, sau đó về nhà Th ngủ, lúc này Th để 01 điện thoại di động nhãn hiệu OPPO A71 (bên trong có 02 sim điện thoại) của mình ở đầu giường và đi ngủ.

Khoảng 07 giờ ngày 27/4/2019, Trương Văn Q, sinh năm 2000, trú tại thôn N, xã N1, huyện S (là nhân viên quán Karaoke X-Men tại thôn T, xã T1, huyện S) một mình đến nhà Th chơi, khi đến nơi Q gọi Th dậy nhưng Th không dậy, Q quan sát thấy có 01 điện thoại di động nhãn hiệu OPPO A71 để ở đầu giường chỗ Th, T, T1 đang ngủ không có ai trông coi, thấy vậy Q đã trộm cắp chiếc điện thoại trên và đi về quán Karaoke X-Men.

Khoảng 09 giờ cùng ngày, Q nói cho Đoàn Đình L, sinh ngày 15/9/2001, trú tại thôn B, xã T, huyện S (là nhân viên làm cùng với Quang tại quán Karaoke X-Men) biết việc mình vừa trộm cắp được 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu OPPO A71 và rủ L cùng đi phá khóa màn hình chiếc điện thoại để xóa dữ liệu trong điện thoại rồi bán lấy tiền chi tiêu cá nhân, L đồng ý và cùng Q đi đến quán sửa chữa điện thoại của Nguyễn Văn Th, sinh năm 1991, trú tại thôn Ba Nhà, xã Sơn Nam, huyện S, khi đến nơi Q và L vào quán để phá khóa màn hình điện thoại rồi bán lại cho Nguyễn Văn Th chiếc điện thoại OPPO A71 trên với giá 1.300.000 đồng, trừ đi số tiền 250.000 đồng tiền công phá khóa màn hình điện thoại, Th trả cho Q và L 1.050.000 đồng (Khi mua điện thoại Th không biết đó là tài sản do Quang trộm cắp mà có). Sau khi bán được điện thoại Q đưa cho L số tiền 550.000 đồng. Số tiền trên Q và L đã chi tiêu cá nhân hết. Ngày 29/4/2019 anh Th đã bán chiếc điện thoại trên cho một người đàn ông không rõ tên, tuổi, địa chỉ cụ thể.

Tại Kết luận định giá tài sản số 33 ngày 21/5/2019 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự huyện S, kết luận: 01 điện thoại di động nhãn hiệu OPPO A71 tại thời điểm trộm cắp trị giá 2.408.000 đồng; 01 sim điện thoại di động Viettel

tại thời điểm trộm cắp trị giá 41.667 đồng; 01 sim điện thoại di động Vinaphone tại thời điểm trộm cắp trị giá 41.667 đồng. Tổng giá trị tài sản là 2.491.334 đồng (Hai triệu bốn trăm chín mươi một nghìn ba trăm ba mươi bốn đồng).

Từ nội dung trên, tại Cáo trạng số 93/CT-VKSND ngày 16/8/2019 của Viện kiểm sát nhân dân huyện S đã truy tố bị cáo Trương Văn Q về tội Trộm cắp tài sản quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự; truy tố bị cáo Đoàn Đình L về tội Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có, quy định tại khoản 1 Điều 323 Bộ luật Hình sự.

Kết thúc phần xét hỏi, Kiểm sát viên giữ quyền công tố tại phiên tòa giữ nguyên quyết định truy tố đối với các bị cáo theo tội danh, điều luật đã nêu trong cáo trạng và đề nghị Hội đồng xét xử:

Tuyên bố bị cáo Trương Văn Q phạm tội Trộm cắp tài sản; bị cáo Đoàn Đình L phạm tội Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có.

Căn cứ khoản 1 Điều 173; điểm b, i, s khoản 1, 2 Điều 51; Điều 65 Bộ luật Hình sự, xử phạt Trương Văn Q từ 06 (sáu) đến 09 (chín) tháng tù, nhưng cho hưởng án treo, ấn định thời hạn thử thách đối với bị cáo.

Căn cứ khoản 1 Điều 323; điểm b, i, s khoản 1, 2 Điều 51; Điều 90, 91; Điều 36 Bộ luật Hình sự, xử phạt Đoàn Đình L từ 06 (sáu) đến 09 (chín) tháng cải tạo không giam giữ.

Ngoài ra, đại diện Viện kiểm sát còn đề nghị Hội đồng xét xử tuyên về nghĩa vụ chịu án phí và quyền kháng cáo của bị cáo, bị hại, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan theo quy định của pháp luật.

Kết thúc phần tranh tụng, các bị cáo nói lời sau cùng: Các bị cáo đều nhận thức được hành vi của mình là vi phạm pháp luật, tỏ thái độ ăn năn hối cải về hành vi phạm tội, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về nội dung vụ án: Tại phiên tòa, các bị cáo khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình phù hợp với lời khai của các bị cáo tại cơ quan điều tra và các tài liệu khác có trong hồ sơ vụ án. Ngoài lời khai nhận tội của các bị cáo, hành vi phạm tội của các bị cáo còn được chứng minh bằng: Lời khai của bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan; kết luận định giá tài sản, biên bản xác minh hiện trường và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án. Do vậy Hội đồng xét xử có đủ cơ sở kết luận:

Khoảng 07 giờ ngày 27/4/2019 tại gia đình Mạc Văn Th, sinh năm 1999, trú tại thôn H, xã N1, huyện S, Trương Văn Q, sinh ngày 02/4/2000, trú tại thôn N, xã N, huyện S đã có hành vi trộm cắp 01 điện thoại di động nhãn hiệu OPPO

A71 (bên trong có 02 sim điện thoại) của anh Mạc Văn Th. Sau khi trộm cắp được tài sản Q nói cho Đoàn Đình L, sinh ngày 15/9/2001, trú tại thôn B, xã T, huyện S biết việc mình trộm cắp tài sản và cùng L bán chiếc điện thoại vừa trộm cắp được cho anh Nguyễn Văn Th với giá 1.300.000 đồng (Khi mua anh Th không biết đó là tài sản do trộm cắp mà có). Trị giá tài sản trộm cắp là: 2.491.334 đồng (*Hai triệu bốn trăm chín mươi một nghìn ba trăm ba mươi bốn đồng*).

Hành vi của bị cáo Trương Văn Q đủ yếu tố cấu thành tội “*Trộm cắp tài sản*”, tội phạm và hình phạt quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự; hành vi của bị cáo Đoàn Đình L đủ yếu tố cấu thành tội “*Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có*”, tội phạm và hình phạt quy định tại khoản 1 Điều 323 Bộ luật Hình sự. Vì vậy, Viện kiểm sát nhân dân huyện S, tỉnh Tuyên Quang truy tố các bị cáo theo các tội danh và điều luật như Cáo trạng là có căn cứ pháp luật.

[2] Về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự.

- Tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Không có.

- Tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Các bị cáo đều phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; quá trình điều tra và tại phiên tòa các bị cáo đã thành khẩn khai báo; các bị cáo đã tự nguyện bồi thường thiệt hại, khắc phục hậu quả; bị hại xin giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo. Đây là những tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm b, i, s khoản 1, 2 Điều 51 Bộ luật hình sự.

[3] Về tính hợp pháp của các hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử:

Qua xem xét, nghiên cứu hồ sơ và diễn biến tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định: Quá trình điều tra và truy tố, xét xử, Điều tra viên, Kiểm sát viên đã tuân thủ đúng quy định của Bộ luật tố tụng hình sự và các văn bản pháp luật có liên quan. Khởi tố, điều tra, thu thập chứng cứ, truy tố đúng người, đúng tội, đúng quy định của pháp luật. Các hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử là hợp pháp.

[4] Về mức án Viện kiểm sát đề nghị:

Hành vi của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, gây mất an ninh trật tự tại địa phương, các bị cáo thực hiện hành vi dưới hình thức lừa dối trực tiếp, với mục đích vụ lợi, bị cáo Trương Văn Q đã lén lút chiếm đoạt tài sản của người khác; bị cáo Đoàn Đình L biết là tài sản do phạm tội mà có nhưng vẫn tiêu thụ.

Do các bị cáo chưa có tiền án, tiền sự, có nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại khoản 1, 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự; khi thực hiện hành vi phạm tội, bị cáo Đoàn Đình L chưa đủ 18 tuổi, khả năng nhận thức còn hạn chế. Để thể hiện chính sách khoan hồng của Nhà nước, Hội đồng xét xử thấy không cần buộc các bị cáo phải chấp hành hình phạt tù giam, mà cho bị cáo Trương Văn Q được hưởng án treo, đồng thời ấn định thời gian thử thách và giao

bị cáo cho Ủy ban nhân dân xã nơi bị cáo cư trú để giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách cũng đủ để răn đe, giáo dục đối với bị cáo; áp dụng hình phạt cải tạo không giam giữ đối với bị cáo Đoàn Đình L là phù hợp.

Xét các bị cáo không có tài sản riêng có giá trị nên không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với các bị cáo, không khấu trừ thu nhập đối với bị cáo Đoàn Đình L.

[5] Về trách nhiệm dân sự: Trước khi mở phiên tòa, các bị cáo và bị hại đã thỏa thuận bồi thường xong về trách nhiệm dân sự, cụ thể bị cáo Trương Văn Q, Đoàn Đình L liên đới bồi thường cho bị hại Mạc Văn Th giá trị chiếc điện thoại di động OPPO A71, theo Kết luận định giá tài sản số 33 ngày 21/5/2019 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện S là 2.491.334 đồng (*Hai triệu bốn trăm chín mươi một nghìn ba trăm ba mươi bốn đồng*). Bị hại không yêu cầu bồi thường thêm, do vậy Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] Về án phí và quyền kháng cáo: Các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm; các bị cáo, bị hại, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan được quyền kháng cáo bản án theo quy định pháp luật.

[7] Đối với Nguyễn Văn Thường khi mua tài sản của các bị cáo nhưng không biết đó là tài sản do trộm cắp mà có, nên Hội đồng xét xử không đề cập xử lý.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Về tội danh:

Tuyên bố bị cáo Trương Văn Q phạm tội “Trộm cắp tài sản”; bị cáo Đoàn Đình L phạm tội “Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có”

2. Về hình phạt:

2.1. Căn cứ khoản 1 Điều 173; điểm b, i, s khoản 1, 2 Điều 51; Điều 65 Bộ luật Hình sự:

Xử phạt bị cáo Trương Văn Q **06** (sáu) tháng tù, nhưng cho hưởng án treo, thử thách 12 (Mười hai) tháng. Thời hạn thử thách tính từ ngày tuyên án sơ thẩm (08/10/2019).

Giao bị cáo cho UBND xã N1, huyện S, tỉnh Tuyên Quang nơi bị cáo cư trú để giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách.

Trường hợp bị cáo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 69 của Luật Thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo có ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

2.2. Căn cứ khoản 1 Điều 323; điểm b, i, s khoản 1, 2 Điều 51; Điều 90, 91; Điều 36 Bộ luật Hình sự.

Xử phạt bị cáo Đoàn Đình L **06** (sáu) tháng cải tạo không giam giữ. Thời gian cải tạo tính từ ngày Ủy ban nhân dân xã được giao giám sát giáo dục nhận được bản sao bản án và quyết định thi hành án.

Giao bị cáo cho Ủy ban nhân dân xã T, huyện S, tỉnh Tuyên Quang giám sát, giáo dục trong thời gian chấp hành án.

3. Về án phí và quyền kháng cáo:

Căn cứ Điều 136, 331, 333 Bộ luật tố tụng hình sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án:

Mỗi bị cáo phải nộp 200.000đ (*Hai trăm nghìn đồng*) án phí hình sự sơ thẩm.

Các bị cáo, bị hại có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (Mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án (08/10/2019). Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (Mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Tuyên Quang;
- VKSND tỉnh Tuyên Quang;
- VKSND huyện S;
- Công an huyện S;
- Chi cục THADS huyện S;
- UBND xã N1, T;
- Người tham gia tố tụng;
- Lưu hồ sơ vụ án.

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Bàn Văn Thế

